

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 30/7/2021  
(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tuyết

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vàng Văn Hải; Ông Tao Văn Si

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:*

Bà: **Tô Đỗ Yến Ly**- Kiểm sát viên

Ngày 30/7/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lò Thị D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị đơn: Anh Lèo Văn TH, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và biên bản ghi lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày: Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn TH đăng ký kết hôn ngày 28/11/2014 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không hòa hợp và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn giữa chị D và anh TH ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh TH.

Về con chung: Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn TH có 01 con chung là Lèo Minh Q sinh ngày 08/8/2015, hiện cháu Q đang sống cùng chị D. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lèo Minh Q cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị D không yêu cầu anh TH phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị làm ruộng thu nhập 4.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị D khai hiện đi làm thêm bán quán cơm tại thị trấn T, thu nhập 4.500.000 đồng/tháng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2020 bị đơn Lèo Văn TH trình bày: Về hôn nhân đúng như chị D trình bày, anh chị có đăng ký kết hôn và chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, anh chị ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh TH đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh chị có 01 con chung như chị D trình bày, anh TH có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lèo Minh Q cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh TH không yêu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh TH hiện là thợ xây thu nhập 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Anh chị có một ngôi nhà sàn, bê tông cốt thép, tường 10 xây gạch đỏ xây năm 2013, diện tích khoảng 60 m<sup>2</sup> trị giá 160.000.000 đồng, anh chị làm trên đất của bố vợ là Lò Văn D, sinh năm 1969, tại bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu và 01 xe máy nhãn hiệu Honda WAVE RSX mua năm 2018 biển số đăng ký 25B1-484.97 trị giá 15.000.000 đồng; 01 ti vi mua năm 2018 trị giá 2.500.000 đồng. Tủ lạnh nhãn hiệu TOSIBA trị giá 1.500.000 đồng và bộ bàn ghế trị giá 4.000.000 đồng; kệ ti vi trị giá 2.500.000 đồng. Bếp ga trị giá 2.000.000 đồng. Anh TH có nguyện vọng lấy số tiền là 80.000.000 đồng lấy 01 ti vi và 01 xe máy còn những tài sản khác và ngôi nhà để lại cho chị Lò Thị D sử dụng. Về nợ chung: Anh TH và chị D nhờ bố mẹ vợ đứng tên để vay tiền tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh Lai Châu số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 09%/năm. Anh TH yêu cầu Tòa án chia đôi khoản nợ chung.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2020 nguyên đơn Lò Thị D trình bày: Vấn đề tài sản chung, nợ chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Tam Đường thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 01/2020/TB-TA yêu cầu anh TH nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án đã trực tiếp tổng đạt thông báo trên cho anh TH, anh TH đã nhận thông báo nhưng không ký nhận vào biên bản giao nhận. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc đương sự không ký nhận văn bản tố tụng. Hết thời hạn quy định, anh Lèo Văn TH không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, do vậy ngày 29/12/2020, Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng để làm căn cứ giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/12/2020 bị đơn Lèo Văn TH trình bày: Nếu chị D không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì anh cũng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh Lèo Văn TH tham gia và trình bày ý kiến tại phiên hòa giải tuy nhiên anh TH không ký tên vào biên bản hòa giải mà không có lý do.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho anh Lèo Văn TH. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 05 tháng 3 năm 2021, bị đơn anh Lèo Văn TH vắng mặt không có lý do, HĐXX thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh TH vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương thể hiện: Anh Lèo Văn TH, chị Lò Thị D đăng ký kết hôn ngày 28/11/2014, đến năm 2019 anh TH và chị D nảy sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay anh TH là lao động tự do, thu nhập không ổn định, chị D làm ruộng và thỉnh thoảng đi làm thuê, không có thu nhập cụ thể. Đối với thu nhập bình Q của lao động tại địa phương là 25.000.000 đồng/ năm. Ủy ban nhân dân xã đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn nguyên nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung đề nghị giao con chung Lèo Minh Q cho chị Lò Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh Lèo Văn TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và ấn định nghĩa vụ chịu án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại bản N, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn anh Lèo Văn TH đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Lèo Văn TH vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lèo Văn TH.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn TH có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh TH là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Lò Thị D, anh Lèo Văn TH chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian từ năm 2019 mới phát sinh mâu thuẫn. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân của anh Lèo Văn TH, chị Lò Thị D đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ năm 2019. Tòa án cũng đã phân tích, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh TH đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh TH là có cơ sở, HĐXX cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3]. Việc nuôi con: Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn TH có 01 con chung là Lèo Minh Q sinh ngày 08/8/2015. Chị Lò Thị D và anh Lèo Văn TH đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lèo Minh Q cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con và điều kiện chăm sóc con chung của chị D, anh TH, xét thấy anh Lèo Văn TH khai thu nhập 10.000.000 đồng/tháng và chị D khai thu nhập là 4.000.000 đồng/tháng, tại phiên tòa chị D khai hiện đi làm thêm thu nhập 4.500.000 đồng/tháng, tuy nhiên anh TH và chị D đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy Tòa án căn cứ vào thu nhập bình Q của lao động tại địa phương để làm căn cứ tính thu nhập của các bên đương sự thì cả hai anh chị đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Lèo Minh Q còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung một cách tốt nhất cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị D, giao con chung cho nguyên đơn Lò Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Lò Thị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị đơn không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lò Thị D.  
2. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Lò Thị D được ly hôn với bị đơn Lèo Văn TH.

3. Về nuôi con chung: Giao con chung Lèo Minh Q sinh ngày 08/8/2015 cho nguyên đơn Lò Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Lèo Văn TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lèo Văn TH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Nguyên đơn Lò Thị D phải chịu 300.000<sup>d</sup> án phí dân sự sơ thẩm, chị D đã nộp 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0000297 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay 300.000<sup>d</sup> đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Tuyết**